TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI LAI** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2024/DS-ST
Ngày: 13/8/2024
V/v tranh chấp: *"Hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Tấn Lạc

2. Ông Trần Văn Mới

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phục Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 86/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 406D/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn*: Bà **Dư Thị T, sinh năm 1940

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Ngọc Hoài A**, sinh năm 1966

Cùng địa chỉ: ấp Đông Lợi, xã Đông Bình, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn*: 1. Ông **Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1973 (vắng mặt)

2. Bà **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Thới Hòa A, TT. Thới Lai, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Ông **Trần Ngọc Hoài A**, sinh năm 1966

Địa chỉ: ấp Đông Lợi, xã Đông Bình, huyện Thới Lai, Tp. Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Dư Thị T (có người đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Vào tháng 01 năm 2020, ông Nguyễn Thanh Đ đã vay tiền 100.000.000đồng của bà Dư Thị T, ông Đ đã ký nhận tiền theo Giấy biên nhận vay mượn tiền ngày 01 tháng 01 năm 2020 nhận 50.000.000đồng và ngày 25 tháng 02 năm 2020 nhận 50.000.000đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng. Nay bà Dư Thị T yêu cầu ông Đ và bà T1 trả 100.000.000đồng tiền vốn gốc và tiền lãi 142.500.000đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh Đ, bà Nguyễn Thị T1 vắng mặt không rõ lý do và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Ngọc Hoài A trình bày: Ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Ngọc Hoài A rút yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị T1, yêu cầu ông Nguyễn Thanh Đ trả số tiền 144.820.000đồng, gồm 100.000.000đồng vốn gốc và 44.820.000đồng tiễn lãi (tính từ tháng 02/2020 đến nay là 54 tháng, lãi suất 10%/năm).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xác định quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26; 35; 39; 184 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn này nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu ông Nguyễn Thanh Đ trả số tiền 144.820.000đồng, gồm 100.000.000đồng vốn gốc và

44.820.000đồng tiễn lãi (tính từ tháng 02/2020 đến nay là 54 tháng, lãi suất 10%/năm).

[3.1] Về tiền vốn gốc: Giấy biên nhận vay mượn tiền ngày 01 tháng 01 năm 2020 nhận 50.000.000đồng và ngày 25 tháng 02 năm 2020 nhận 50.000.000đồng có chữ ký tên Nguyễn Thanh Đ, cộng hai khoản tiền trên thì ông Đ đã nhận của phía nguyên đơn 100.000.000đồng. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, phía bị đơn cố tình vắng mặt dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, không yêu cầu phản tố và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ phản bác lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do đó, xem như bị đơn từ bỏ quyền chứng minh. Cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ vay 100.000.000đồng theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[3.2] Về tiền lãi: Do phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu trả lãi theo quy định. Tuy nhiên, các Giấy biên nhận vay mượn tiền ngày 01 tháng 01 năm 2020 và ngày 25 tháng 02 năm 2020 có ghi *"Lãi suất thỏa thuận hai bên"*, ngoài nội dung này thì phía nguyên đơn không chứng minh được giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận lãi suất, căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trường hợp này được xác định *"các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất"* thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tức không quá 10%/năm. Tại phiên tòa, phía nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 10%/năm là phù hợp nên có căn cứ chấp nhận, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm là 44.820.000đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 227,

Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dư Thị T đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh Đ.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi của bà Dư Thị T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T1.

3. Buộc ông Nguyễn Thanh Đ trả cho Dư Thị T số tiền 144.820.000đồng (một trăm bốn mươi bốn triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng), gồm 100.000.000đồng tiền vốn gốc và 44.820.000đồng tiễn lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: ông Nguyễn Thanh Đ phải chịu 7.241.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TPCT;
- VKS huyện;
- THA huyện;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Trúc